

Số: 1822/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển  
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 604/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018;

Xét đề nghị của Hội đồng học viện, Học viện Chính sách và Phát triển tại Tờ trình số 24/TTr-HĐHVCSPT ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển (sau đây gọi tắt là “Học viện”) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Phát triển Học viện trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín của Việt Nam và khu vực, với phương châm luôn đổi mới sáng tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hiệu quả hoạt động.

2. Phát triển Học viện theo định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, đầu tư phát triển một số ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu trọng điểm, có thế mạnh, thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Chủ động nắm bắt cơ hội của tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Học viện trở thành đại học thông minh, đại học số.

4. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế, đẩy mạnh hoạt động hợp tác với khu vực doanh nghiệp, trao đổi học thuật và liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trên thế giới.

5. Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên có đầy đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện trong giai đoạn mới.

6. Lấy người học làm trung tâm, thực hiện đào tạo lý thuyết gắn liền với thực tiễn, phát triển toàn diện để cống hiến và phụng sự xã hội.

## **II. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC**

1. Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước.

2. Tầm nhìn đến năm 2045: Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển.

4. Triết lý giáo dục: Giáo dục toàn diện - Đổi mới sáng tạo - Phụng sự xã hội

## **III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển; tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; có hệ thống quản trị hiện đại, đạt chuẩn của khu vực và thế giới.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a) Đến năm 2025:**

- Chuyển đổi số mạnh mẽ để xây dựng nền tảng đại học thông minh, đại học số có tính chất mở, khả năng thích ứng và quốc tế hóa cao.



- Quy mô sinh viên đại học đạt từ 7.000 - 8.000 sinh viên, trong đó quy mô chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình theo định hướng nghề nghiệp chiếm 20%-30%; quy mô sau đại học chiếm 6% - 8% tổng quy mô tuyển sinh hàng năm; tỷ lệ sinh viên quốc tế đạt 1%-1,5%.

- Quy mô cán bộ, giảng viên khoảng 250 người, trong đó từ 45% - 50% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ; hàng năm có từ 5% - 10% giảng viên có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

- Trên 80% chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia.

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 12 tháng đạt tỷ lệ trên 95%.

b) Đến năm 2030:

- Trở thành đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và có tính quốc tế hóa cao.

- Có chất lượng, uy tín, thuộc nhóm 10 trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển tại Việt Nam.

- Quy mô đào tạo đạt từ 10.000 - 12.000 sinh viên; trong đó quy mô chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình quốc tế, chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp chiếm 45%-50%; quy mô sau đại học 10%-12% tổng quy mô tuyển sinh hàng năm; tỷ lệ sinh viên quốc tế đạt 2%-3%.

- Quy mô cán bộ, giảng viên trên 300 người, trong đó từ 50%-55% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ; hàng năm có từ 10%-15% giảng viên có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

- 100% chương trình đã có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, một số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

- Phần đầu đạt 10% chương trình đào tạo cấp bằng quốc tế trên cơ sở đầy mạnh hợp tác quốc tế với một số trường đại học uy tín trên thế giới.

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 12 tháng đạt tỷ lệ trên 98%.

- Phần đầu trở thành một trung tâm nghiên cứu, phản biện chính sách có uy tín trong lĩnh vực chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, quản lý nhà nước, tài chính tiền tệ.

- Phần đầu tự đảm bảo 100% chi thường xuyên vào năm 2030, chậm nhất vào năm 2032.

#### **IV. CÁC NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC**

1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực quản lý và giảng viên thông qua tuyển dụng mới, bồi dưỡng và công tác quy hoạch cán bộ. Xây dựng cơ chế thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ chế chi trả thu nhập phù hợp và tạo động lực cho cán bộ, giảng viên nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; đảm bảo thu nhập cạnh tranh cho cán bộ, giảng viên.

2. Nâng cao năng lực quản lý và quản trị thông qua chuyển đổi số toàn diện theo hướng tăng cường tích hợp các công nghệ, kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là giảng dạy, nghiên cứu và quản lý, quản trị. Xây dựng trường đại học thông minh với hệ sinh thái số, ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình hoạt động và cung cấp các giá trị mới cho người học và đối tác.

3. Hoàn thiện cơ sở vật chất của Học viện đồng bộ, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện, trong đó chú trọng các hạng mục về giảng đường (đặc biệt là giảng đường phục vụ các chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình liên kết đào tạo), thư viện, không gian sinh hoạt cộng đồng.

4. Tăng tỷ trọng các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình theo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo tiên tiến theo chuẩn quốc tế; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

#### **V. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN**

1. Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, đa ngành, đa lĩnh vực, ưu tiên phát triển một số ngành trọng điểm thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và chính sách phát triển; tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

2. Xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, đạt chuẩn của khu vực và thế giới; phát huy tối đa các nguồn lực, thế mạnh và hiệu quả quyền tự chủ của Học viện, đảm bảo trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

3. Phát triển, nâng cấp một số đơn vị thành viện hoặc trường đào tạo, thí điểm mô hình tự chủ đối với một số đơn vị đủ điều kiện; từng bước xây dựng mô hình đại học, bao gồm các trường đại học bên trong; thành lập các phân hiệu tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam phù hợp chủ trương phát triển Học viện trong từng thời kỳ.

#### **VI. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

a) Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất đạo đức và trình độ cao là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Học viện. Tuyển dụng và bố trí công việc



phù hợp với năng lực chuyên môn và sở trường của cán bộ, giảng viên, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa khối giảng viên và khối hành chính.

b) Hoàn thiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu công việc và định hướng phát triển của Học viện. Tạo môi trường học thuật sáng tạo, cởi mở; tăng cường trao đổi giảng viên với các trường đại học uy tín ở nước ngoài.

c) Có chính sách thu hút các cán bộ, giảng viên, nhà khoa học giỏi, uy tín đến công tác tại Học viện, ưu tiên tuyển dụng giảng viên có học vị tiến sĩ, ứng viên tốt nghiệp từ những trường đại học tại các nước phát triển, sinh viên và học viên tốt nghiệp xuất sắc từ các trường đại học hàng đầu trong nước và Học viện.

## 2. Đổi mới mô hình quản trị

a) Xây dựng bộ máy quản trị phù hợp với chiến lược phát triển nhằm phát huy tối đa các nguồn lực, thế mạnh và hiệu quả quyền tự chủ của Học viện, đảm bảo trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

b) Thực hiện chuyên đổi số mạnh mẽ trong hoạt động quản lý, hình thành mô hình đại học thông minh, đại học số, chuẩn hóa các quy trình, văn bản và dữ liệu quản lý.

c) Thực hiện lộ trình tự chủ đại học, từng bước thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình tới từng đơn vị, cá nhân trong Học viện; thực hiện lộ trình tiến tới tự đảm bảo 100% chi thường xuyên vào năm 2030, chậm nhất vào năm 2032.

d) Phát triển, nâng cấp một số đơn vị thành viện hoặc trường đào tạo, thí điểm mô hình tự chủ đối với một số đơn vị đủ điều kiện: Viện Đào tạo quốc tế, Khoa Kinh tế quốc tế, Khoa Luật kinh tế, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế, Khoa Tài chính - Đầu tư. Từng bước xây dựng mô hình của trường đại học hướng đến mô hình đại học (có trường đại học trong đại học).

e) Thành lập các phân viện tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam phù hợp chủ trương phát triển Học viện trong từng thời kỳ.

## 3. Tiếp tục đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và đảm bảo chất lượng

a) Đổi mới phương thức tuyển sinh, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chất lượng và hiệu quả với quy mô cơ cấu hợp lý giữa các trình độ đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

b) Tập trung phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình chuẩn quốc tế, chương trình đặc thù, chương trình liên kết; ưu tiên phát triển một số ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đáp ứng nhu cầu xã hội.

c) Thường xuyên cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo đào tạo lý thuyết gắn với thực tiễn, nâng cao khả năng thích ứng của người học trong môi trường hội nhập và chuyển đổi số.

d) Thực hiện kiểm định trong nước và quốc tế, tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực; tích cực tham gia các chương trình đánh giá, bảng xếp hạng đại học khu vực; chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

e) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

g) Tăng cường hợp tác trong đào tạo, trao đổi sinh viên, giảng viên với các tổ chức trong và ngoài nước.

#### 4. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ

a) Đổi mới phương thức, xây dựng cơ chế khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nghiên cứu khoa học, hoạt động tư vấn và phản biện chính sách; chú trọng gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Đẩy mạnh công bố khoa học, nhất là công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, làm chủ công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Xây dựng các nhóm nghiên cứu, tập hợp các chuyên gia, nhà khoa học uy tín chuyên sâu, liên ngành về kinh tế, quản lý, chính sách phát triển thuộc thế mạnh của Học viện; tham gia các dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, tham mưu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của ngành kế hoạch và đầu tư, địa phương và quốc gia.

c) Xây dựng cơ chế để khuyến khích và hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hình thành văn hóa khởi nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đối với sinh viên Học viện.

#### 5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

a) Mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thu. Tăng nguồn thu từ các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình quốc tế, chương trình liên kết đào tạo, chương trình đặc thù, chương trình đào tạo đã được kiểm định... Khai thác nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, bồi dưỡng và cơ sở vật chất; chú trọng các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân và ngân sách thông qua các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đặt hàng, đấu thầu cạnh tranh.

b) Chuẩn bị các điều kiện, từng bước thực hiện tự chủ đại học, lộ trình tự chủ tài chính từng phần, đảm bảo các nguồn lực và tăng cường cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị theo mô hình phát triển của Học viện.



c) Thực hiện cải cách tiền lương và các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thu nhập cho đội ngũ viên chức, người lao động. Thực hiện trả lương theo hiệu quả công việc và vị trí việc làm.

d) Đảm bảo cân đối thu chi, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn lực. Tăng tỷ trọng cơ cấu chi cho hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

e) Đảm bảo các chính sách xã hội, quyền lợi và công bằng cho người học, lập quỹ học bổng khuyến khích học tập, quỹ học bổng thu hút tài năng cho các sinh viên giỏi, sinh viên tài năng và sinh viên thuộc diện chính sách và đặc biệt khó khăn.

#### 6. Hoàn thiện cơ sở vật chất

a) Tiếp tục hoàn thiện và khai thác bền vững cơ sở vật chất của Học viện.

b) Tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại hướng tới xây dựng đại học thông minh.

c) Xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; tiếp tục đầu tư, nâng cấp số hóa tài liệu, giáo trình phục đào tạo và nghiên cứu khoa học.

d) Xây dựng các mô hình thực hành, mô hình giả lập để giảng viên và sinh viên thực hành nâng cao kỹ năng chuyên môn.

#### 7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

a) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, quản lý hướng tới xây dựng mô hình đại học thông minh, đại học số.

b) Triển khai nền tảng công nghệ số phục vụ giảng dạy, đào tạo, tự học, thi, kiểm tra, khảo thí trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị của Học viện, xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số; phát huy khả năng tự học, nghiên cứu độc lập của người học.

c) Đẩy mạnh đầu tư và khai thác có hiệu quả thư viện số, dữ liệu số của Học viện phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

#### 8. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

a) Hợp tác trong nước

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Học viện với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm tranh thủ nguồn lực, kiến thức, uy tín và kinh nghiệm của các chuyên gia.

- Hợp tác với các đơn vị trong nước, phát triển các hoạt động liên kết với các cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp, địa phương trong cả nước để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

b) Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hội nhập quốc tế, thúc đẩy liên kết đào tạo; hợp tác, trao đổi về học thuật, kinh nghiệm, học liệu; phương pháp và chương trình đào tạo, nghiên cứu; trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học uy tín từ các quốc gia phát triển trên thế giới.

- Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu và hoạt động đào tạo tại Học viện, đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Học viện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *e*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Thủ trưởng;
- Các Vụ: TCCB, KHGD TN&MT, VP Bộ
- Lưu: VT, HVCSP. *H05*

**BỘ TRƯỞNG**



*Nguyễn Chí Dũng*

**Nguyễn Chí Dũng**



